

PHẨM NHIẾP SỰ

Hạnh lợi mình, gồm thân lợi mình của sáu Độ trước, nếu muốn cùng tận viên mãn, thì phải có lợi người. Vì thế, kế là, giải thích về phẩm Nhiếp sự, nghĩa là dẫn dắt, truyền trao cho hữu tình.

Trong đây, nói rộng, gọi là phẩm Nhiếp. Trong phẩm này chỉ nói về ba Nhiếp sự.

Hỏi “Nếu vậy, ba Nhiếp sự lấy tuệ làm thể, vì sao lại nói?”

Nghĩa “Không đúng! Vì một bố thí trước đã nói rộng. Ba nhiếp sự là thuộc về Tuệ, nhưng trước đây chưa nói rộng, nên nay phải nói.”

Trong văn, trước lấy tụng, văn xuôi để chia ra chung chín chương. Sau, giải thích riêng về ba sự. Đầu tiên, giải thích Ái ngữ, dùng chín môn để giải thích trong tự tánh. Luận sư Cảnh và Trắc đồng nói rằng: “Ngữ, ý vui vẻ, nghĩa là không nói lời thô ác. Đế ngữ, nghĩa là lời nói không giả dối. Pháp ngữ, nghĩa là lời nói không chia rẽ, dẫn nhiếp nghĩa ngữ, là lời nói không thêu dệt.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Lời nói vừa ý, là không chia rẽ, đế ngữ là không nói dối. Pháp ngữ, là không thô ác, lời nói dẫn nhiếp nghĩa là lời nói không thêu dệt. Lại, chưa hẳn phối hợp các ngữ đó, chỉ tùy theo mỗi ngữ đều có bốn thứ này.

Trong tất cả Ái ngữ, trước, là nói về ba thứ, sau, nhiếp ba thành hai.

Tùy theo nghi thức, phép tắc thế gian, đều thuận với tánh người. Pháp sư Thái nói “Thuận theo phép tắc của triều đình, khu vực, ấp, tánh của nhân sĩ, không thuận theo tánh của người làm ruộng, họ đã được thịnh vượng mà không tự biết, như người nên giác ngộ để bày tỏ, chúc mừng, vui vẻ. Chúng sinh có sự tốt lành, hưng thịnh, không tự hay biết, để chúc tụng, an ủi mà bảo.

Ái ngữ Khó thực hành có ba:

1) Dùng kẻ hay có khả năng giết tất cả mọi người, là kẻ thù, bạn ác, có thể làm lợi ích cho họ. Ngoài ra, rất dễ hiểu.

Một trong tất cả các môn, là người muốn dứt trừ các Cái, hưởng về đường thiện, là pháp mà trước họ đã làm.

Luận sư Cảnh nói “Nghịệp thiện của người, trời, từ đời Vô thí đến nay, vì thường đã được, nên nói là lúc trước đã thích ứng với tác pháp.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Bồ-tát hóa độ hữu tình, muốn cho chúng Đại Niết-bàn, không thể trực tiếp vì nói đạo, nên trước, vì hành

động của người, trời, gọi là pháp mà trước đây đã làm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Giúp họ nhập Phật Pháp, trước nói ngũ pháp quán dừng tâm, trước là pháp đáng nên làm.”

2) Trong Thiện sĩ ái ngữ nói “Được chỗ có nhân, chế lập Học xứ. Luận sư Cảnh nói “Trong Tỳ-ni, dựa vào có chỗ đã trái phạm đắc tội mà chế lập học xứ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Tức Tỳ-nại-da nhân sự mà chế giới. Nếu pháp đã nói thuộc về Bốn y thì giả đặt ra người thực hành chính hạnh của luật pháp không điên đảo.”

Pháp sư Cảnh, Pháp sư Cơ đồng nói “Như nói “thường khát thực, y phần tảo, ngồi dưới cội cây, ưa dứt, ưa tu. Vì nương bốn việc này mà tu đạo, hành đạo, nên gọi là Bốn y.”

Pháp sư Thái nói “Dựa vào pháp, không dựa vào người, đều thuộc về bốn y. Nay, lại giải thích rằng, bốn y là “1) Y phần tảo; 2) Khát thực; 3) Ngồi dưới gốc cây; 4) Thuốc mục rã, nói lên Khổ, hạnh xuất ly không lui sụt, có quyết định mạnh mẽ?”

Luận sư Cảnh nói “Vì nói khổ hạnh xuất ly của hai đạo Kiến, Tu, gọi là không lùi lại.”

3) Thần biến: là thần thông luân, ký tâm luân, giáo giới luân.

Sáu thứ, bảy thứ trong tất cả ái ngữ. Hai thứ đầu trong sáu tức là khai già. Bốn thứ sau tức nói bốn cảnh Vô ngại, pháp, nghĩa, từ biện, như thứ lớp.

Trong bảy, Luận sư Cảnh nói “Một thứ đầu là úy dụ ngữ. Hai là “Khánh duyệt ngữ...” trở xuống, là y cứ trong Thắng ích ngữ, chia làm năm. Một thứ đầu trong năm thứ sau là dạy bảo, chỉ bày cho người khác hiểu rõ về tiền của, dụng cụ, ham muốn nhỏ, phóng túng rộng. Kế là, một Ái ngữ; Vô úy thí ngữ. Kế là, một pháp thí, hai thứ sau, rất dễ hiểu.

Luận sư Trắc nói “Hai thứ đầu trong bảy chi là đồng sự ngữ. Kế là, có ba bố thí ngữ trở xuống, là hai ngữ lợi hành. Một thứ đầu trong thí là tài thí. Một thứ kế là Vô úy thí; một thứ sau là pháp thí. Bốn trong Toại cầu tức lia bốn lỗi của ngữ. Tám thứ thật ngữ, gọi là tám Thánh ngữ. Pháp sư Thái nói “Nói nương tựa bốn tịnh ngữ tám Thánh ngữ, nghĩa là thật thấy nói là thấy, người khác hỏi nói là thấy. Thật không thấy thì nói là không thấy, người khác hỏi nói là không thấy. Hai thứ này thuộc tưởng, cảnh về đều thiếu. Không thấy cho là không thấy, người khác hỏi nói là thấy. Thật thấy mà nói là không thấy, người khác hỏi nói là không thấy. Hai thứ này thuận với tưởng, trái với cảnh. Bốn thứ này là

Thánh ngữ kia.

Nói chẳng phải Thánh ngữ, nghĩa là thật thấy, mà nói là không thấy; người khác hỏi nói là thấy. Thật sự không thấy, mà nói là thấy, người khác hỏi nói là không trông thấy. Hai thứ này trái với tưởng, thuận với cảnh. Thật thấy, mà nói là thấy, người khác hỏi nói là không thấy. Thật không thấy, mà nói không thấy; người khác hỏi nói là thấy. Hai thứ này là cảnh, tưởng đều trái nhau. Bốn thứ này là lời nói của phàm phu kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Toại cầu hữu, nghĩa là không lấy bốn tịnh, lấy tám Kiến v.v... sau.”

Trong niềm vui của hai đời có chín: năm thứ vui đầu, trừ nạn; bốn vui sau, khen ngợi điều thiện.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói “Ba thứ đầu là Vô úy thí. Thứ tư, nói chánh pháp.”

Dứt chánh giới khó, nghĩa là trừ ngoại đạo kia đã thực hành giới pháp Khổ hạnh.

Thứ năm, trừ tà kiến. Pháp sư Thái nói “Thứ tư, thứ năm, là ta kiến phá giới, là hiện tạo nên chánh kiến của tịnh giới. Đời sau, sẽ cảm các Khổ trong ba đường ác. Bồ-tát nói Thánh ngữ vì trừ đoạn.”

Luận sư Trắc nói “Ba thứ còn lại trừ nạn Dị thực, một thứ kế là, trừ nạn nghiệp ác, một thứ sau, là dứt trừ nạn phiền não. Về pháp tắc thứ tám, như Địa Thanh văn nói. Thanh tịnh có hai mươi thứ, như phẩm Lực chủng tánh ở trước đã nói. Phẩm ấy nói có hai:

- 1) Dựa vào thuyết thuận theo có mười lăm.
- 2) Dựa theo thuyết thanh tịnh có năm.

Trên đây, đã nói về ái ngữ xong.

Dưới đây nói về lợi hành, trong đó, trước, chỉ nói rộng như trong Ái ngữ. Kế là, phân tích sự khác nhau; sau, lại dựa vào chín môn giới để phân biệt.

Nói khác nhau, nghĩa là “các Bồ-tát... cho đến “nên gọi là lợi hành”, Luận sư Cảnh nói “Ái ngữ, thông thường nói về lý, giáo, quả, pháp. Nay, trong lợi hành, tùy theo căn cơ, chính là trao hạnh Đại thừa, để cho chúng sinh kia tu tập, gọi là môn lợi, nên khác với Ái ngữ.”

Luận sư Trắc nói “Ở trước, trực tiếp nói pháp, nay, đem pháp này khuyến hữu tình khởi sự tu, gọi là sai khác còn lại.”

Trong tự tánh rằng, do Ái ngữ kia vì các hữu tình thị hiện lý chân chính, nghĩa là nói về pháp mà Lợi hành đã nương, tức là Ái ngữ, nói các thứ pháp, nêu bày chánh lý.

Tùy theo sự thích ứng là chính nói về lợi hành, so lường căn được thích nghi, chỉ riêng một môn, để họ như thuYết-mà thực hành.

Trong hạnh ấy, an trụ tâm Bi, là nói khởi nhân duyên hạnh.

Không có tâm ái nhiễm: là nói dứt trừ chướng lợi hành. Khuyến khích, dẫn dắt v.v... là phân biệt về hành tướng của lợi hành.

Trong tất cả lợi hành, nói rằng, chưa thành thực. Luận sư Trắc nói “Nếu theo Đại thừa, chưa nhập Tam kỳ da về trước, gọi là chưa thành thực. Nếu bắt đầu nhập Kỳ-da trở về sau, thọ gọi là đã thành thực, cũng như trong quyển ba mươi bảy nói về ba phẩm Thành thực.”

Đối với lợi hiện pháp, công hạnh lợi tha là khuyến khích, dẫn dắt, nghĩa là chính khuyến bảo, dẫn dắt, dùng pháp, nghiệp, đức để chiêu cảm, nhóm họp, giữ gìn v.v...; Luận sư Cảnh nói “Giáo học tạo nên pháp vàng, bạc, hoặc cách thức gieo trồng v.v... gọi là pháp.”

Nghiệp, nghĩa là dạy làm nghề nghiệp khéo léo v.v... Đức, nghĩa là dạy tu học đạo đức. Do có pháp, nghiệp đức, nên chiêu cảm, nhóm họp rộng của cải, được tên gọi là lớn và niềm vui hiện pháp.

Pháp sư Thái nói “Hoặc do truyền bá giáo pháp v.v... Hoặc do sự nghiệp tinh tấn v.v... ; hoặc do đạo đức v.v... có thể nhóm họp tiếng khen ngợi và lợi ích, giữ gìn, tăng trưởng phần vị tiền của, tài sản, gọi là vui hiện tại.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Pháp, là đúng như pháp, không do tà mạng mà được của. Nghiệp, về sau, pháp lợi khuyến đạo lợi hành: là chánh khuyến, dẫn dắt, v.v... là nghề nghiệp của lái buôn mà được của. Đức, nghĩa là đạo đức. Vì có đức nên được của, do người khác cúng dường.”

Luận sư Trắc nói “niềm vui hiện tại và mai sau, vì về sau mới quyết định, nên gọi là sau. Vì hiện báo không nhất định, nên không gọi là hiện.”

Trong khó làm rằng “Người kia đối với dấu vết rất buông lung rộng lớn, vì chuyển biến sự ham vui, chấp mắc ở chỗ rất buông lung. Pháp sư Thái nói “Nghĩa là người sống buông thả bước theo dấu vết, đã nương tựa chỗ đình chỉ.”

Luận sư Trắc nói “Chốn vườn, rừng, ngựa, săn bắn, qua, lại, gọi là dấu vết buông thả. Chỗ nghỉ lại đêm ở lầu quán, điện, đường, gọi là chỗ buông thả, ý rất đồng.”

Tất cả môn lợi hành, tức giản lược lấy bốn tài trong bảy Thánh tài.

Trong Thiện sĩ có năm, trong nhất thiết chủng có bảy. Luận sư Cảnh nói “Năm thứ đầu là Hạnh, hai thứ sau là quả. Một phần của chỗ

yên ổn đã hóa độ hữu tình. Nghĩa là vì phân biệt chủng tánh của ba thừa, nên gọi là một phần.”

1) Về tư lương thiện, thủ hộ, trưởng dưỡng v.v... nghĩa là thực hành bảy phương tiện trước của đạo Ba thừa, đều là Tư lương. Hoặc dựa vào sự xuất ly của Tiểu thừa, hoặc nương tựa xuất ly của Đại thừa. Phương tiện xuất ly cũng gọi là xuất ly. Như sự giáo hóa ngày nay ở tư lương thiện, thủ hộ, trưởng dưỡng của hạnh trước của Địa gia.

“Như thế, hoặc...” trở xuống, là so sánh, giải thích về Kiến, Tu là chướng, nhiếp thiện.

Lãng Pháp sư nói “Hoặc đối với xa lìa, nghĩa là hạnh lìa chướng của Kiến đạo, hoặc đối với một tánh cảnh của tâm, nghĩa là công hạnh nhiếp thiện của Kiến đạo. Hoặc đối với thanh tịnh các chướng, nghĩa là công hạnh lìa lỗi của Tu đạo. Hoặc đối với tu tập Tác ý, chính là ở chỗ yên ổn, nghĩa là hạnh nhiếp thiện trong Tu đạo.”

Về sau, cũng y cứ ở quả, tức phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa, cho nên khác nhau. Pháp sư Thái nói “Nói “Hoặc đối với xa lìa”, nghĩa là ở chốn A-Lan-Nhã v.v... Hoặc đối với một tánh cảnh của tâm, chính tu định. Hoặc đối với thanh tịnh các chướng, nghĩa là hoặc dựa vào định dứt “hoặc”, hoặc đối với tu tác ý, nghĩa là dựa vào định, tu bảy tác ý.”

Pháp sư Khuy Cơ nói bảy thứ: là theo Nhị thừa xuất ly bậc nhất. Pháp sư Tuệ Viễn nói: “Là Văn tuệ. Dùng tài v.v... trưởng dưỡng nhập vào văn tuệ xa lìa, là Tư tuệ.”

Thứ ba là chỉ, thứ tư là quán, thứ năm là xả. Căn của hai Đại, Tiểu khác nhau. Nay, y cứ thì không đúng, vì dựa vào xuất ly bậc nhất của Nhị thừa, chính là nương tựa phương tiện giáo của Nhị thừa khiến cho xuất ly.

Đây là y cứ tùy ở một phần thiện xảo của Nhất thừa.

2) Xa lìa, nghĩa là hoặc xa lìa một phần “hoặc” v.v... hoặc so sánh chung xa lìa “hoặc” v.v... của thừa mình.

3) Hoặc ở một tánh cảnh của tâm mà được định.

4) Thanh tịnh các chướng được tuệ.

Xa lìa trước, nói chung là lìa “hoặc”, không nói là được Tuệ v.v...

5) Tu tập Tác ý, chính là đặt vào chỗ yên ổn. nghĩa là tác ý trong Tu đạo, hoặc ở yên ổn đối với tất cả Tác ý.

6) 7) Ở yên ổn trong hiện tại xong, sẽ được quả của thừa mình.

Toại cầu có tám. Luận sư Cảnh nói “Trong đây, chỉ Bồ-tát giản lược không nói về tám triền của hữu tình chướng. Cự luận gọi là trừ

não, tức thuận với văn luận này nói bỏ đi triền buộc ràng người khác.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Vì sao chỉ tám thứ này? Nghĩa là vì chướng ba Học v.v... Hai thứ Vô tâm, vô quý, hai chướng giới. Hai thứ Hôn trầm, thù miên, gây trở ngại cho định, hoặc tuệ. Điệu cử, ác tác chướng ngại tuệ, hoặc định. Hai thứ ganh tị, keo kiệt chướng chung ba học. Vì thế, nên không nói là khác.”

Hoặc có thể là tám triền. Luận sư Trắc nói “Gồm thâu tám thành bốn, nghĩa là Vô tâm, Vô quý là chướng của giới. Hôn trầm, thù miên là chướng của định. Trao cử, hối là chướng của Tuệ. Ganh tị, keo kiệt là pháp đồng, nghĩa là chướng ngại cho sự xoay vần thọ dụng tài, pháp. Cho nên, quyển tám mươi chín nói “Lại nữa, tất cả phiền não đều có triền ràng buộc của chúng, vì phiền não hiện hành, đều gọi là Triền. Nhưng có tám thứ: Các Tùy phiền não thường xuyên hiện hành suốt trong bốn thời gian. Cho nên, chỉ lập tám thứ làm triền, nghĩa là trong khi tu học giới tăng thượng, vô tâm, vô quý thường xuyên hiện hành, hay làm chướng ngại. Nếu ở vào thời gian tu học tăng thượng Định, hôn trầm, thù miên (ngủ gật) thường hiện hành, có thể gây chướng ngại. Nếu là pháp đồng, thì sẽ xoay vần nhận dùng tài, pháp. Sự ganh ghét, keo kiệt, thường xuyên biểu hiện, hay làm chướng ngại.

Trong niềm vui của hai đời có chín: Ba thứ đầu, là thân nghiệp, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Thứ tư, là không uống rượu. Nếu theo Cự luận, thì chỉ nói là tất cả trừ không uống rượu. Nay, nói rằng “Tất cả Túy la nhã, là rượu gạo. Mễ Lệ Da, Pháp sư Cảnh, Cơ đồng nói là rượu thuốc. Pháp sư Thái, Luận sư Trắc v.v... nói “Rễ, cọng, cành, lá như mía ngọt v.v... là rượu.”

Mạt-Đà, Hán dịch là Rượu bồ đào.

Kế là, miêng lia bốn lỗi. Ba căn bản của ý sau, tổng hợp thành một, công với trước thành chín.

Lợi hành thanh tịnh có mười, dựa theo ngoài có năm, theo trong có năm, nghĩa là theo duyên ngoài của hữu tình mà khởi, gọi là thanh tịnh ngoài. Dựa vào trong mình có bi khởi công hạnh vì đem lại lợi ích cho chúng sinh, gọi là thanh tịnh bên trong. Nếu theo Kinh Thiện Giới nói, thì năm thứ trước, y cứ đối tượng được giáo hóa là lỗi gọi là ngoại tịnh, công đức giáo hóa quy về mình, nên gọi là tịnh bên trong. Năm thứ sau, y cứ vào Tông chỉ của bốn tâm Vô lượng vì lợi người, gọi là ngoại. Lúc giáo hóa, hóa độ tâm không có nhiễm, gọi là trong.”

Kinh Thiện Giới ngộ nhận rằng, các Bồ-tát đối với hạnh ác, tạp nhạp của các hữu tình. Nếu y theo Cự luận thì chỉ có ba thứ trước, thiếu

không có câu hạnh tạp nhiễm thứ tư.”

Luận sư Cảnh nói “Hai câu trước trong bốn câu này là nói về tại gia.”

Hạnh ác tạp nhiễm, nghĩa là hạnh ác lẫn thiện.

Hạnh trước, nghĩa là thông thường, hề có được địa vị, là lấy việc ác làm trước nhất. Dưới đây là hai hạng xuất gia:

1) Có các tội.

2) Tâm có tạp nhiễm.

Pháp sư Thái nói “Về hạnh ác tạp nhiễm của các hữu tình, nghĩa là trước làm ác, sau tu thiện. Hạnh có tội, nghĩa là tội giá (ngăn), vì là tội, chẳng phải nhiễm. Hạnh tạp nhiễm, nghĩa là tánh tội.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Hoặc từ trên đến đây, kể gây ra điều ác, gọi là người làm ác ở trước.”

Luận sư Trắc nói “Người tu hành có tội, là ở tâm Vô ký thiện, phạm giới mình đã thọ, như ở địa vị vô học phạm tội.”

Hạnh tạp nhiễm. Tạp, tức phạm tội tạp nhiễm. Lại nói “Hai thứ đầu, về phần mình đã khởi hai phần lỗi: thuần túy, tạp nạp.”

Không đối với chẳng phải giải thoát, chẳng phải Xứ v.v... định thanh tịnh. Pháp sư Thái nói “Nghĩa là không là ở trời Vô Tướng v.v... chẳng phải Xứ giải thoát, mong được Chân giải thoát. Không là định của bốn Vô Sắc, chẳng phải xứ thanh tịnh, cầu được định tịnh, tức ở trong đó, có thể chính thức khuyến bảo, dẫn dắt, gọi là lợi hành không thay đổi.”

Lại, giải thích “Chẳng phải đạo, chấp Đạo, gọi là Định thanh tịnh.”

Luận sư Trắc nói “Cầu Đạo điều phục của thế tục là định thanh tịnh.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “không vận chuyển pháp Phật, khiến vào trong tà, chẳng phải không thay đổi tà mà tiến đến Đạo.”

Về bốn tánh. Luận sư Trắc nói “Ba thừa và địa vị đường thiện là bốn tánh. Hoặc bốn tánh như Sát-Lợi v.v... như thích ứng.”

Trong Lợi hành. Pháp sư Thái nói “Nói là các phẩm thiện ở nghĩa của mình, tùy theo công năng khác nhau của phẩm hạ, trung, thượng có thể khuyến khích, dìm dặt. Nghĩa là nếu đối với tự tánh của các phẩm pháp lành thành thực, thì công năng khác nhau. Hạ, trung, thượng có thể khuyến khích, dẫn dắt hữu tình, khuyến bảo chúng tu tập. Và, do công năng khác nhau của phương tiện mà khuyến hóa dẫn dắt: Ở hiện tại khởi công năng khác nhau phương tiện gia hạnh, có thể khuyến khích,

dẫn dắt ấy, khiến tu gia hạnh khác nhau.

Đối với kia, như kia. Nghĩa là đối với nghĩa tự tánh kia, như phương tiện, mà khuyên bảo, dẫn dắt họ. Pháp sư Khuy Cơ nói “Đại ý trong đây nói, nếu có hữu tình đối với ba phẩm đức của thừa mình: thiện, quả, pháp có thể khuyên bảo, dẫn dắt, thì hãy khuyên bảo, dẫn dắt chúng. Nếu họ đã vào thừa mình rồi, hãy dùng pháp sau mà khuyên bảo, dẫn dắt chúng.”

Dưới đây, là nói sơ lược về tướng mạo đó trong Đồng sự, không trải khắp chín môn để phân biệt.

Luận sư Trắc nói “Y cứ theo loại trên để giải thích, nên có chín môn.”

Do công dụng của đồng sự kia, nên chúng sinh đồng chung với các hạnh trước, lại không có pháp riêng, y theo trên, rất dễ hiểu, nên lược qua không nói.

Sở dĩ biết có chín môn là vì như văn dưới đây nói “Từ tất cả thí cho đến đồng sự, cho đến thí cho thanh tịnh; cho đến đồng sự thanh tịnh”, cho nên biết đều có chín môn.

Nay, trong văn dưới đây, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, 1) Y cứ ở pháp để nói.

2) Y cứ ở bốn trường hợp của người để phân biệt.

Trong phần (1) trước có hai:

1) Chính nói về Đồng sự.

2) “Vì sao gì...” trở xuống, giải thích lại.

Nói “Nếu ở đây v.v... Nghĩa là người Cựu luận nói “Nếu ở nghĩa này, nghĩa là dựa vào cảnh mà tu Thể của Đồng sự. Dưới đây là nói “Nếu ngang đồng, nghĩa là trở thành nghĩa tu của phần mình ở trên. Nếu tăng, thì sẽ trở thành nghĩa tu của phần Thắng tấn ở trên.”

Nay, giải thích “Đại khái luận về chủ thể giáo hóa với hữu tình, đối tượng được giáo hóa hoặc ngang đồng, hoặc vượt hơn, mới trở thành chủ thể giáo hóa. Nếu vì kém mà ruồng bỏ chúng thì không gọi là chủ thể giáo hóa, nên nói “Hoặc tăng đồng đều.”

Trong giải thích lại, 1) Giải thích về đồng sự. 2) Giải thích về xa lìa sự chê bai, ngờ vực.

Trong bốn trường hợp, Luận sư Cảnh nói “trường hợp một, nói về Bồ-tát, chủ thể giáo hóa, tự cho là thầy, Bồ-tát được giáo hóa, người thật sự có công đức mà vì tiềm ẩn điều tốt lành của mình, mà vì không bày tỏ oai lực đức của mình, nên tiếp nhận sự giáo hóa.”

Trường hợp hai, chẳng phải Đồng sự của người khác chứng tỏ

sự việc chung. Vì hóa độ hữu tình thấp kém, nên hóa hiện giống như Chiên-đồ-la, cho đến chó v.v... mà sinh trong đó.

Trường hợp thứ ba, có các Bồ-tát là đồng sự của người khác, nghĩa là nhận thấy thiện căn được giáo hóa, được tiếp nhận, cũng có thể bị lay động. Vì muốn cho họ không bị nghiêng động, hiện đều được đồng sự.

Hoặc tăng, nghĩa là phần vị công hạnh dù ngang đồng, nhưng vì chưa thành tựu viên mãn, còn có nghĩa lùi bước, nghiêng động, nên Bồ-tát đồng sự chung mà hành động chung.

Pháp sư Thái nói “Trường hợp thứ nhất, có một Bồ-tát chung với oai lực công đức của đa số Bồ-tát đều được bình đẳng. Đối với đạo Bồ-tát, hoặc Khởi tăng thượng mạn, tự cho là bậc thầy, hoặc thật sự thọ địa vị thầy. Ngoài ra, có chúng sinh cần che giấu điều tốt lành của mình, mà không biểu lộ rõ oai lực đức mình, tương tự với thầy. Do tự giấu điều thiện nên không tự tỏ bày chung với đồng sự của người khác.

Trường hợp thứ hai, vì hóa độ chó v.v... nên sinh trong loài chó v.v... nhưng không chung với loài chó v.v... đồng làm hành động của chó, gọi là chẳng phải đồng sự của người khác. Mà tự làm sáng tỏ hiện đời sanh kia, nên gọi là tự làm sáng tỏ hiện cùng với kia đồng sự.

Trường hợp thứ ba, rằng, các Bồ-tát nhận thấy kẻ được giáo hóa, vì căn lành đã tu không trụ vững chắc, nên hóa hiện đồng tu chung, để giúp cho họ được trụ vững chắc. Hoặc nói tu điều thiện giống như người kia, hoặc điều thiện vượt hơn.

Trường hợp thứ tư rất dễ hiểu.

Từ trước trên đây, tự phân tích về nghĩa trong công hạnh được chia làm ba.

Hai công hạnh trước, đã nói xong. Từ đây trở xuống, là thứ ba, song kết tác nghiệp của hai lợi, tỏ bày thành tựu lợi ích, trong đó được chia làm ba:

1) Nói về sự khác nhau của tác nghiệp lợi mình, lợi người của sáu Độ và bốn Nhiếp, Nghĩa là sáu Độ, pháp tự thành Phật. Tứ nhiếp thành thực hữu tình. Đây là y cứ ở phần vượt hơn mà nói.

2) Nói về hiện hạnh của sáu độ và Bốn nhiếp hơn hết, kể cả ba thứ nhân duyên thanh tịnh.

3) Nói về sáu độ, bốn nhiếp được nghĩa quả riêng trong tám môn sau.

Đến trong văn thứ hai, trước là nêu chung, kế là, giải thích riêng, sau là kết.

Trong giải thích:

1) Do ba thứ nhân duyên hiện hạnh như thí v.v... của thân, ngữ, ý.

2) Do hai nhân duyên không có tạp nhiễm rộng lớn, nên rộng lớn hơn hết.

Kế là, có ba:

a) Khấp vì chúng sinh

b) Khấp các hạnh tu

c) Tu khấp tất cả thời gian.

Do bốn tướng trở thành không có nhiễm.

Luận sư Trắc nói “Dùng bốn tướng như thứ lớp phối hợp với Sơ địa, nhị địa, Tam địa, Tứ địa trở lên để giải thích.

3) Do ba nhân duyên thanh tịnh thí cho v.v... Nghĩa là do hừng cháy, nên không có lay chuyển, nên thanh tịnh. Sơ địa trở lên, gọi là hừng cháy không có lay động. Thập địa gọi là Thanh tịnh, đến Địa rốt ráo tức Địa thứ mười.

Hoặc hệ thuộc lần sinh, tức trụ ở cõi trời, là hữu sau cùng, tức sinh thân trở xuống.

Y cứ thứ ba, nói về được quả khác nhau, đầu tiên, là nói được quả Phật, sau, nói được nói được quả trong phần nói về nhân.

Chỉ nói tám thứ sau, nói được tám quả, không nói tự tánh. Luận sư Cảnh nói “Trong đây, muốn nói được quả khác nhau. Môn sau, sẽ phân tích về nghĩa được quả của nghĩa khác nhau, nhằm phát huy môn tự tánh, cho nên không nói.

Lại, chỉ nói về đắc quả của tám môn sau, tức gồm thân tự tánh, cũng nhập trong đó, phân biệt ngoài không có, vì chung. Lại nữa, tự tánh nói về Thể không thể được quả. Vì tám môn chính là nói về công dụng của nghĩa, nên nói được quả.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói “Do môn tự tánh không lia tám môn sau, cho nên không nói.”

Hỏi: “Nếu vậy, như trên đây, chỉ nói rằng tất cả phương sau của môn thứ hai, bảy môn còn lại là sự khác nhau này. Nếu vì không lia tám môn sau, nên không nói, thì lẽ ra phải nói môn thứ hai đã cảm quả?”

Nghĩa là “Không đúng! Vì thứ nhất là Tự tánh, thứ hai là sai khác. Cảm quả tự tánh không nói, được giống nhau trong cảm quả này, nghĩa là chẳng phải khẳng định thể cảm chung một, từ vì môn nhân của các quả.”

Luận sư Cảnh nói “Nếu là phần nhiều tu tập, là mới tu. Nếu nói khéo thanh tịnh, là kế tu. Nếu nói đầy đủ viên mãn là tu thành. Cũng có

thể phối hợp với ba-tăng-kỳ để giải thích ba nghĩa này.”

Trong khó thực hành cảm quả, Luận sư Cảnh nói “Khó thí cho v.v... chiêu cảm quả thần thông biến hóa v.v... kỳ lạ ít có của pháp môn giải thoát.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Cảm quả mâu nhiệm ít có, nghĩa là pháp mâu nhiệm ít có của Thánh giáo, hoặc pháp ít có của thần thông.”

Lại nói rằng “Trong thanh tịnh cảm quả, nói bốn thứ tịnh, nghĩa là tịnh, là đối tượng nương tựa, Thần tức là chủ thể nương tựa. Lấy trụ, bỏ tự tại tức là mạng sống dài ngắn, v.v...”

Cảnh giới tịnh, tức là biến hóa Khởi ba thứ lớp tại, tâm thanh tịnh, nghĩa là tức một sát-na nhập Vô lượng định v.v...

Trí thanh tịnh, tức trong một chữ nói tất cả pháp. Như Đối Pháp quyển mười bốn giải thích “Hoặc đối tượng nương tựa v.v... như trong hai mươi ba công đức đã nói. Cũng chiêu cảm trôi lăn sinh, tử, thuận với hạnh quả của Bồ-tát. Luận sư Cảnh nói “Thời kỳ nhân hạnh của Bồ-tát, trôi nổi trong sinh, tử đã lâu, do tu thí v.v... nên giúp chiêu cảm duyên tăng thượng. Nếu hạnh hữu lậu đối với quả hữu lậu là chiêu cảm chính đáng.

